

ĐẦY MẠNH NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VỀ SINH QUYỀN TRÁI ĐẤT LÀM CƠ SỞ CHO VIỆC BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN ⁽¹⁾

THAI VĂN TRỪNG

DO nghiên cứu cơ bản về sinh quyền và các hệ sinh thái còn quá yếu mà nhiều vấn đề lớn có tính chất thời sự và thời đại như bảo vệ và khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên, tái sản xuất mở rộng các tài nguyên đó, tái tạo các điều kiện thiên nhiên, qui hoạch điều chỉnh lãnh thổ (aménagement du territoire), duy trì cân bằng sinh thái bảo vệ môi trường sống, chống ô nhiễm môi trường v.v... đã không được đặt ra và cũng không có ai đứng ra chủ trì.

Riêng trong ngành lâm nghiệp, để làm cơ sở lí luận giải quyết các vấn đề trên, một đề tài nghiên cứu cơ bản rất quan trọng là tỉ lệ rừng tối thiểu và tối ưu để điều hòa chế độ thủy văn, chế độ khí hậu, giữ được cân bằng sinh thái và bảo vệ được môi trường sống tốt nhất cho từng vùng, hạn chế được những nạn hạn hán, lũ lụt, gió bão, xói mòn v.v... chưa được nghiên cứu và đã có lần đặt thành đề tài nghiên cứu thì lại bị bỏ đi, cho là xa vời không thiết thực.

Ở một vùng nhiệt đới gió mùa, có lượng mưa lớn và tập trung trong một mùa, thì tỉ lệ đó có phải là 33% hay hơn nữa, và 50% đất dành cho lâm nghiệp có phải là tỉ lệ rừng tối ưu cho một nước mà 3/4 đất đai là đồi núi, có địa hình chia cắt và nhiều dãy núi có dốc đứng. Muốn trả lời được câu hỏi đó phải nghiên cứu cơ bản một cách có hệ thống trên nhiều vùng khác nhau của cả nước và phải tiến hành quan trắc đo đếm, thu thập số liệu trong các trạm nghiên cứu sinh vật địa lí quần lạc như kiểu do Sukachev thiết kế, có thể là thường xuyên liên tục không khác gì ở những tài liệu thu thập trong các trạm khí tượng thủy văn.

Một đề tài nghiên cứu cơ bản khác cũng cực kì quan trọng để làm cơ sở cho việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, thực vật, động vật, qui hoạch phân vùng giữa lâm nghiệp và nông nghiệp, quản lí tổ chức sản xuất lãnh thổ với phương thức lối ưu là nghiên cứu tính toán sinh khối (biomasse), *sinh sản lực* (productivité), *sản xuất* (rendement) của từng vùng địa lí kinh tế, ví dụ vùng đồng bằng trung du, vùng núi v.v..., của từng kiểu thảm thực vật thiên nhiên như rừng, rú, trảng,

trường, của từng thảm thực vật nhân tạo thay thế như ruộng lúa, ngô, cây lương thực, đồng cỏ chăn nuôi, rừng cây công nghiệp như cà phê, chè, mít, dâu tằm, cao su v.v...; rừng thuần loại thông, bạch đàn, bồ đề, mơ, tre; rừng nhiều tầng hỗn giao nhiều loại v.v... Chúng ta chưa có thể trả lời rằng kiểu rừng mưa nhiệt đới nhiều tầng có cây họ Dầu như Sao, Dầu rái, Vên vên, ở tầng trên, có cây họ đậu có gỗ quý như Trắc, Cẩm lai, Gõ đỏ, Giáng hương ở tầng tán rừng, và Ire, nứa, vầu dưới tán làm bột giấy, có được liệu quý như Ba kích. Sa nhân ở tầng thảm cỏ với kiểu rừng một tầng thuần loại cao su sẽ thay thế trên đất đỏ bazan và đất xám phù sa cổ ở miền Đông Nam-bộ và ở Tây-nguyên thì kiểu nào có sinh khối, có sinh sản lực, có năng suất cao hơn, có hiệu quả kinh tế cao hơn, nếu không thông qua đo đếm, tính toán so sánh, thí nghiệm và thực nghiệm ở những trạm nghiên cứu liên ngành.

Liên nay chúng ta chưa có cơ sở khoa học chắc chắn để đặt ra một *phương án lối ưu qui hoạch sản xuất nông lâm nghiệp*, vừa thỏa mãn những nhu cầu cấp bách trước mắt như lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu, vừa phải cân đối với các nhu cầu khác cũng vô cùng trọng yếu của nhân dân như củi, than làm chất đốt nấu nướng, gỗ làm nhà, đóng thuyền, xe tàu, phà, bột giấy và sợi dệt để bảo đảm ăn ở, mặc, đi lại, học hành của nhân dân, bảo đảm lâu dài, đều đặn những nhu cầu xã hội về mặt cung cấp lâm sản. Không phải hôm nay phung phí quá đáng (vì cành nhánh vứt lại trong rừng), và xuất cảng nhiều gỗ đặc, gỗ ván sản xẻ mạnh mún từ những khúc gỗ dầu, sao, gỗ đỏ bề kính hơn một mét, gỗ thông nguyên súc, để rồi 20, 30 năm sau phải nhập gỗ kiến thiết và bột giấy. Ngay hôm nay ở miền bắc, chúng ta cũng đã có nhập gỗ thông với giá thành đắt và ở miền nam, thì phải tiếp tục nhập bột giấy trong lúc đó thì hàng nghìn hecta rừng thông là loại gỗ

(1) Trích tham luận tại Hội nghị các Khoa học về Trái Đất họp tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30-5 đến 2-6 1977.

tốt để làm giấy và sợi dệt, hàng năm bị đốt cháy, nhiều rừng tre lồ ô làm bột giấy được khai hoang chặt đốt.

Trong chiến tranh, rừng miền nam đã bị phá hoại nặng nề, hơn 2 triệu hecta đã bị chất độc hóa học phá hủy, trong đó có 65% diện tích rừng được ở Minh-hải, 70% diện tích rừng tràm ở U-minh, toàn bộ diện tích rừng sít ở Cần-giộc... Ở miền bắc, do cách phá rừng làm rẫy của các dân tộc ít người, và do cách khai thác tự nhiên của hợp tác xã Sơn-tràng, do cách khai thác chưa hợp lý của các lâm trường quốc doanh, mà trên bản đồ, thậm chí rừng đã lở đổ và chỉ còn có 24%, nhiều vùng như Tây-bắc chỉ có 10%, và tỉ lệ rừng cả nước đã xuống 29.1%, dưới mức tối thiểu an toàn sinh thái, phân phối lại không đồng đều hợp lý, và cấu trúc những rừng mới tái sinh phục hồi nhiều khi chỉ có một tầng cây bụi, hay nửa không đủ để hạn chế tác hại của những cơn mưa trút nước của vùng nhiệt đới gió mùa mà lượng mưa đã lớn lại tập trung một mùa 5, 6 tháng. Những con số nói trên là kết quả điều tra trước ngày giải phóng, nay tình hình phá rừng đang nghiêm trọng, với qui mô rộng lớn hơn, trong một số vùng kinh tế mới.

Nhiều khu rừng mưa nhiệt đới nguyên thủy rất quý, giàu, (có lẽ là những rừng điển hình còn sót lại của vùng Đông Nam Á) ở Tà-lai (nam Cát-tiên) tỉnh Đồng-nai và Bu-gia-mập (tỉnh Sông-bé) hình như đang bị phá và tuy Thủ tướng Chích phủ rất quan tâm đến vấn đề này và đã hạ quyết định để đặt thành các khu cấm bảo vệ thiên nhiên, nhưng đến nay cán bộ điều tra của Cục Kiểm lâm nhân dân vẫn chưa được phép đến để tiến hành các thủ tục đặt giới cấm mốc.

Chúng ta phải cùng nhau nhận thức sâu sắc rằng những nạn lũ lụt nghiêm trọng, nạn khô hạn do mực nước ngầm xuống quá thấp sau khi phá rừng, nạn xói mòn làm mất độ phì và tiềm năng canh tác của những vùng đồi núi nạn gió bão ở vùng duyên hải, nạn dịch sâu bệnh phá hoại hàng trăm hecta mùa màng, hay hàng nghìn hecta rừng trồng thuần loại mà chúng ta thường gọi là *thiên tai*, mà thực sự nhiều khi đó chỉ là *hậu quả của hoạt động vô ý thức của con người, vì lợi ích trước mắt, cục bộ*. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói trong Hội nghị trung du và miền núi « Đốt phá rừng già để làm lương thực là đã

phá cả đất, cả môi trường sống ». Rồi hàng năm phải đầu tư bao nhiêu công của để đắp đê chống lũ lụt, làm thủy lợi, nhưng rõ ràng cũng chỉ hạn chế được một phần. C. Mác và Ăng-ghe-n đã từng đem nhiều ví dụ trong lịch sử thế giới để nói là phá rừng một cách vô ý thức sẽ đem lại sau đó những vùng sa mạc. Nhiều vùng như tiểu á, Mesopotami, Bắc phi trước đây là những vùng có nền kinh tế rất trù phú, nhưng sau khi đã phá rừng thì nay đã biến thành sa mạc.

Về mặt sinh thái, nếu xóa những khu rừng già cuối cùng ở Đồng-nai, Sông-bé, miền Đông Nam-bộ trên đất đỏ và đất xám thì trước mắt trong mùa khô của năm sau sẽ thiếu nước trầm trọng để dùng làm nước uống, dùng trong sinh hoạt và để trồng trọt vì mực nước ngầm sẽ xuống rất thấp, phải đào giếng đến 15 - 20m mới có nước để dùng, hiện tượng bốc hơi sẽ mãnh liệt, đất sẽ rất khô, hoa màu sẽ bị khô héo hoặc không phát triển được. Công tác thủy lợi sẽ rất tốn nhiều công, nhiều của và cũng phải có thời gian mới hạn chế được nạn thiếu nước. Công tác trồng rừng để lọc lại thảm xanh cũng phải 5, 10 năm sau mới phát huy tác dụng. Và nếu trồng thuần loại cây loại thông, bạch đàn như hiện nay thì cũng không thể nào có tác dụng giữ nước, giữ đất bảo vệ môi trường sống như những kiểu rừng già có cấu trúc nhiều tầng, có thành phần nhiều loại trước đây.

Trên đây, chúng tôi chỉ xin nêu rất tóm tắt những nét chính, để báo động với tất cả các nhà khoa học chúng ta gánh phần trách nhiệm lịch sử này, để phổ biến rộng rãi trong nhân dân, để làm cho những cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện trong các vùng kinh tế mới, trong các khu bộ đội xây dựng kinh tế, nhận thức được tính chất nghiêm trọng của vấn đề và đồng thời phải đặt thành vấn đề đây mạnh điều tra nghiên cứu cơ bản về sinh quyển, và các sinh thái hệ thì mới có những cơ sở khoa học chắc chắn, những thông số, chỉ số chính xác, làm chỗ dựa cho các chủ trương bảo vệ và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang có nguy cơ bị tiêu hủy trong một thời gian ngắn, bảo vệ các điều kiện thiên nhiên để tái tạo các nguồn tài nguyên đó, để đạt được công thức tối ưu cho việc qui hoạch sản xuất lãnh thổ, duy trì được cân bằng sinh thái, bảo vệ được môi trường sống.